

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/DS-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Vũ Anh Kiệt và ông Nguyễn Văn
Quang;

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Như Quỳnh – Thư ký Tòa
án nhân dân thị xã La Gi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình
Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-DS ngày 03/6/2024
về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ
thẩm số: 58/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa
số: 10/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Khu phố F, phường
T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Kinh T – Sinh năm: 1973. Địa chỉ: Khu phố C, phường T,
thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Quang T1 – Sinh năm: 1969. Địa chỉ: Khu phố C, phường T, thị
xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Lê Thị Thúy H** trình bày: Vào năm 2022 bà có cho vợ chồng ông **T1**, bà **T** 02 lần vay tiền để vợ chồng làm ăn, đến ngày 01/02/2022 thì bà **T** có vay thêm 2 tỷ và các bên có tổng kết số nợ. Các bên lập Giấy vay tiền thể hiện bà **T** có nợ bà **H** số tiền 5 tỷ đồng, bà **T** hứa trong vòng 01 năm bà **T** sẽ trả nợ cho bà. Khi vay các bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng, bà **T** trả được 02 tháng thì không trả nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà **H** yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Quang T1**, bà **Lê Thị Kinh T** trả cho bà **H** số tiền gốc đã vay là 05 tỷ đồng. Đối với lãi suất, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi từ khi vay tới thời điểm xét xử vụ án. Đối với lãi sau khi xét xử thì Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông **Nguyễn Quang T1**: Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông **T1** không có mặt để giải quyết vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn bà **Lê Thị Kinh T** trình bày: Bà vay tiền của bà **H** từ năm 2022, mục đích vay tiền là để kinh doanh bất động sản, mua đất rồi bán lại kiếm lời để chi tiêu trong gia đình. Tổng số tiền gốc bà vay của bà **H** là 5 tỷ đồng. Bà có trả được 02 tháng tiền lãi cho bà **H**, sau đó không trả nữa.

Bà thừa nhận bà có ký vào Giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp, bà ký để xác nhận nợ bà **H** 05 tỷ đồng. Khi vay tiền thì ông **T1** không biết, nhưng khi tổng kết nợ thì bà có nói với ông **T1**. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý bà và ông **T1** cùng có trách nhiệm trả cho bà **H** số tiền 05 tỷ đồng đã vay.

Tại phiên tòa, bà **T** vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát

nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Kinh T phải trả cho bà Lê Thị Thúy H số tiền 5 tỷ đồng tiền gốc. Ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Kinh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Lê Thị Thúy H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Kinh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Lê Thị Kinh T vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ gốc:

Xét hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp, bà T thừa nhận bà có ký vào Giấy vay tiền này, bà T ký tên để xác nhận nợ bà H 05 tỷ đồng. Theo Giấy vay tiền các bên ký kết thì thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 01/02/2023.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa các bên xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Các bên tham gia hợp đồng

có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Bà Lê Thị Kinh T có vay của bà Lê Thị Thúy H số tiền 05 tỷ đồng, khoản vay đã quá hạn nên bà H yêu cầu trả khoản nợ gốc này là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Khi khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tính lãi nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc không yêu cầu trả lãi tính đến thời điểm xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xét tiền lãi vay.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 05 tỷ đồng.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ:

Theo bà T trình bày bà vay tiền của bà H để kinh doanh bất động sản, mua đất rồi bán lại kiếm lời để chi tiêu trong gia đình. Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông T1 thì chi phí chi tiêu trong gia đình là bà chi trả. Ông T1 làm bảo vệ, đến năm 2020 thì nghỉ, còn bà thì kinh doanh bất động sản từ năm 2017 đến nay. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ ông T1 nhiều lần nhưng ông không đến Tòa để trình bày ý kiến, nên việc vắng mặt của ông T1 được coi là ông từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

Do đó, khoản tiền nợ gốc được xác định như mục [2.3] nêu trên, vợ chồng ông T1, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H theo khoản 4 Điều 37 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông T1, bà T phải liên đới chịu án phí dân sự

sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật Dân sự;
- Điều 27 và khoản 4 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thúy H**:

Buộc ông **Nguyễn Quang T1**, bà **Lê Thị Kinh T** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Lê Thị Thúy H** số tiền **5.000.000.000 đồng** (Năm tỷ) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Bà **Lê Thị Thúy H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **Lê Thị Thúy H** số tiền 56.832.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0011587 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông **Nguyễn Quang T1**, bà **Lê Thị Kinh T** phải liên đới chịu 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thịnh